

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng và Bà Đỗ Thu Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng T Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1979. (Có mặt)

Số CCCD ngày cấp 03/6/2019. Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

Thường trú và nơi ở: Thôn B, xã T, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Đỗ Quang C, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Số CCCD ngày cấp 12/6/2018. Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

Thường trú và nơi ở: Thôn B, xã T, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị T và anh Đỗ Quang C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh H (nay là thôn B, xã T, Thành phố Hà Nội) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày

07/11/1998. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, mối quan hệ hôn nhân luôn trong trạng thái căng thẳng. Anh C là người cực cần nóng nảy thường xuyên chửi bới và đánh đập chị T, mặc dù chị đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh C vẫn không thay đổi. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đỗ Quang C. Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Đỗ Thanh T, sinh ngày 06/11/1999 và Đỗ Thanh T2, sinh ngày 15/7/2002. Hiện nay hai con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án: Anh Đỗ Quang C trình bày: Anh và chị T lấy nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh H (nay là Thôn B, xã T, thành phố Hà Nội) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/11/1998. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những bất đồng nhỏ trong cuộc sống, do tính tình nóng nảy thiếu kiềm chế, anh C xin hứa sẽ kiểm điểm bản thân. Nay chị T xin ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh C và chị T có 02 con chung là Đỗ Thanh T, sinh ngày 06/11/1999 và Đỗ Thanh T2, sinh ngày 15/7/2002. Hiện nay hai con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời khai của Đỗ Thanh T và Đỗ Thanh T2 là con chung của chị T và anh C: Trong quá trình chung sống, 02 con chung nhiều lần chứng kiến bố mẹ đánh chửi nhau. Hàng xóm, họ hàng hai bên đều biết chuyện, có khuyên ngăn nhưng anh C vẫn không chịu thay đổi, vì vậy dẫn đến sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay. Nay mẹ T có yêu cầu ly hôn với bố C, đề nghị Tòa án giải quyết cho bố mẹ được ly hôn vì thực tế mâu thuẫn của bố mẹ khá trầm trọng không thể đoàn tụ.

* Xác minh tại UBND xã V thể hiện: Chị T và anh C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, Thành phố Hà Nội. Thời gian gần đây anh C và chị T phát sinh mâu thuẫn, không còn làm ăn kinh tế chung với nhau. Mâu thuẫn cụ thể thể nào phía địa phương không nắm được. Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Đỗ Thanh T, sinh ngày 06/11/1999 và Đỗ Thanh T2, sinh ngày 15/7/2002 (đều đã trưởng thành). Nay

chị T yêu cầu được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Phía địa phương không nắm bắt được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T xử cho chị T được ly hôn với anh C.

Về con chung: Hai con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, Thành phố Hà Nội (Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội) cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai và tại phiên tòa, có cơ sở để xác định đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn anh Đỗ Quang C, thường trú tại Thôn B xã T, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Đỗ Quang C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/11/1998, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh C không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tôn trọng anh C không làm chủ được bản thân đã nhiều lần đánh chị T, dẫn đến hôn nhân lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị được ly hôn với anh C. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, chị Hà Thị T đề nghị được ly hôn là có căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu của chị T xin ly hôn.

[3] Về con chung: Hai con chung đều đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 227; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Hà Thị T đối với anh Đỗ Quang C.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Đỗ Quang C.

Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Đỗ Thanh T, sinh ngày 06/11/1999 và Đỗ Thanh T2, sinh ngày 15/7/2002 (đều đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị T và anh C đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là

300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai BLTU/23/ 0058617 ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội).

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND KV 11 – Hà Nội;
- Phòng THADSKV11 -Hà Nội;
- UBND xã T;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Hà